TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN CHƯ PĂH -TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 31-08- 2018
V/v tranh chấpđòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hải;
2. Ông Trịnh Văn Nguyên .
- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Chư Păh tham gia phiên toà:* BàTô Hải Yến - Kiểm sát viênViện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
Trong ngày31 tháng08 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:07/2018/TLST-DS ngày05 tháng3 năm 2018về tranh chấpdân sự đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2018/QĐXXST-DS ngày06 tháng08 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: ***Ông Trần Đình L,*** sinh năm 1964
Địa chỉ:Thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

2.Bịđơn*: Ông Ngô Đình N*, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam (viết tắt là ***Aribank Việt Nam),***
Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;
do ông ***Trần Văn Đ,*** chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Chư Păh Đông Gia Lai - Đại diện theo ủy quyền; ***ông Đ*** đã ủy quyền cho ông ***Thái Văn H*** tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 77/NHNoCP-GUQ ngày 16/3/2018). (có mặt)
Địa chỉ Chi nhánh tại Chư Păh: số 83 Hùng Vương, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Bà Từ Thị M***, sinh năm 1969

Địa chỉ:Thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiệnngày 23/02/2018,cùng các tài liệu có tronghồ sơ vụ án và tại phiên tòa,nguyên đơn ông Trần Đình L trình bày **:**

Vào ngày 19/6/2007, anh Ngô Đình N – cán bộ tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai có nhận của tôi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ), trong đó có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701 mang tên ông Văn Khắc T và bà Trần Thị T cấp ngày 13/04/2007đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông L và bà M ngày 15/6/2007 (*thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140 m^2, địa chỉ thửa đất tại Làng Phung, xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh*) và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 29, còn lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa tôi không nhớ rõ cụ thể chỉ nhớ thửa số 172, đất tại Thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh để làm thủ tục cho gia đình tôi vay vốn 70.000.000 đồng. Đến cuối năm 2007 gia đình tôi trả hết nợ vay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Chư Păh (*viết tắt là Ngân hàng nông nghiệp huyện Chư Păh*) nhưng Ngân hàng nông nghiệp huyện Chư Păh chỉ trả lại cho tôi 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701, còn lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 thửa đất số 138, anh Ngô Đình N chưa trả cho tôi. Đề nghị Tòa án buộc ông N phải trả lại cho tôi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BT328977 thửa đất số 138tại Thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh.

Hiện tại, tôi không có chứng cứ về việc ông N nhận 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi năm 2007 nhưng trong hợp đồng thế chấp năm 2007 đã thể hiện rõ.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

Trongcác tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Đình N trình bày :

Tôi công nhận vào ngày 19/06/2007, ông L và bà M đã vay tiền tại Phòng Giao dịch Ia Ly thuộc Chi nhánh Agribank Chư Păh; ông L và bà M đã vay Ngân hàng chúng tôi tại Hợp đồng tín dụng số 223 ngày 19/06/2007 số tiền 70 triệu đồng và thế chấp cho Ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số 118 ngày 19/06/2007, giấy tờ, tài sản thế chấp là Giấy CNQSD đất số AI529701 cấp cho ông Văn Khắc T và bà Trần Thị T cấp ngày 13/04/2007(đã chuyển nhượng cho ông L và bà M ngày 15/06/2007). Đến ngày 26/12/2007 ông L và bà M đã trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng chúng tôi đã trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ số AI529701 cho ông lượng, có chữ ký nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L. Khi làm thủ tục cho gia đình ông L vay vốn ngân hàng tôi chỉ nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701 mang tên ông Văn Khắc T và bà Trần Thị T cấp ngày 13/04/2007 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông L và bà M ngày 15/6/2007 (*thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140 m^2, địa chỉ thửa đất tại Làng Phung, xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Păh*) sau đó làm thủ tục nhập kho

lưu trữ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định. Ngoài ra tôi không có nhận bất cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào khác của ông Trần Đình L.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu tôi phải trả lại cho ông L Giấy chứng nhận QSDĐ số BT328977 (thửa đất số 138) do UBND huyện Chư Păh cấp cho ông L và bà M thì tôi không chấp nhận.

***Ý kiến Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam** do ông **Thái Văn H** đại diện theo ủy quyền trình bày*: Ngày 19/06/2007 ông L là người đại diện cho gia đình đã ký kết hợp đồng tín dụng số 223 để vay tiền tại Phòng Giao dịch Ia Ly Chi nhánh Ngân hàng Agribank Chư Păh số tiền 70 triệu đồng và thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 118/HĐTC ngày 19/06/2007. Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 118 ngày 19/06/2007 được ký kết giữa Phòng Giao dịch Ia Ly thì ông L và bà M chỉ thế chấp cho Ngân hàng chúng tôi Giấy chứng nhận QSDĐ sốAI529701 thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36 với diện tích đất là 22.140 m^2 và 2.200 cây cà phê là tài sản trên đất. Ông L không thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BT 328977 cho Ngân hàng chúng tôi. Đến ngày 26/12/2007 ông L và bà M đã trả hết nợ cho Ngân hàng chúng tôi với số nợ gốc là 70 triệu đồng và nợ lãi là 128.333đ nên chúng tôi đã trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ sốAI 529701 cho ông L, ông L đã nhận và ký tên vào sổ nhận Giấy chứng nhận QSDĐ sốAI529701 của Ngân hàng chúng tôi rồi.Việc ông Trần Đình L giao các Giấy CNQSD đất nào khác cho anh Ngô Đình N là việc cá nhân của ông L với anh N chúng tôi không biết.

Giấy chứng nhận QSDĐ số BT 328977 không liên quan gì đến khoản vay nói trên mà ông L đang đề nghị Tòa án giải quyết. Ngân hàng chúng tôi không liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT328977 nói trên.

Ý kiến Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: **Bà Từ Thị M** trình bày**: Tôi công nhận vợ chồng tôi có thửa đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 529701 mua của vợ chồng ông Văn Khắc T, bà Trần Thị T vào năm 2007, đến năm 2013 vợ chồng chúng tôi sang nhượng cho ông Trương Công D và bà Bùi Thị H. Sau đó đến ngày 30/09/2014 hai bên mới làm thủ tục sang nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông D, bà H ở làng Kép II, xã Ia Mơ Nông, giá sang nhượng là 1.500.000.000 đồng. Tôi không nhớ rõ ký hiệu, số Giấy chứng nhận quyền sư dụng đất,sau khi được nhìn chữ ký "Từ Thị M" tại Hợp đồng sang nhượng tại Tòa án thì tôi công nhận đó là chữ ký của tôi. Tôi khẳng định thửa đất theoGiấy chứng nhận QSDĐ sốAI529701 vợ chồng chúng tôi sang nhượng cho ông Trương Công D và bà Bùi Thị H năm 2013rồi.

Tại bản sao Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất có chữ ký tên Trần Đình L và Từ Thị M. Sau khi xem kỹ tờ Đơn nói trên thì tôi công nhận đó là chữ ký của tôi và chồng tôi. Tờ giấy nói trên do bà H (vợ ông D)- người đã nhận sang nhượng thửa đất của tôi và ông L) đưa cho tôi ký. Tôi tự nguyện ký chứ không bị ai ép buộc cả.

Về việc ông L khởi kiện đòi ông N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtsố BT328977 thì tôi không rõ việc ông L khởi kiện ông N có đúng hay không vì thời gian đã lâu nên tôi cũng không nhớ. Hơn nữa về thủ tục giấy tờ đất đai thì tôi không nắm rõ, chủ yếu là do anh L làm.

Ngoài ra, tôi không có ý kiến gì khác

Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về quá trình giải quyết vụ án:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định tại các điều 26, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 BLTTDS 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn là Trần Đình L, bị đơn ông Ngô Đình N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam do ông Thái Văn H là đại diện theo ủy quyền và bà Từ Thị M đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của của mình theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vào ngày 19/6/2007, ông Ngô Đình N - cán bộ ngân hàng có làm hợp đồng tín dụng số 223 để cho ông Trần Đình L vay số tiền 70.000.000đ tại Phòng giao dịch Ia Ly chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Khi vay tiền ngân hàng, ông L và bà Từ Thị M có làm hợp đồng thế chấp tài sản số 118/HĐTC ngày 19/6/2007 - thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để vay tiền.Ngày 26/12/2007 ông L trả hết nợ vay, vì cho rằng ông Ngô Đình N không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình nên ngày 23/02/2018, ông Trần Đình L làm đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Đình N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977cho ông.

Xét thấy, tại hợp đồng thế chấp chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 118 ngày 19/6/2007 và Hợp đồng tín dụng số 223 cùng ngày 19/6/2007 thì ông L và bà Từ Thị M – vợ ông L chỉ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 134, 138 tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 13/4/2007) để vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 70.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào hợp đồng thế chấp số 118 và hợp đồng tín dụng số 223 cùng ngày 19/6/2007 thì không có sự việc ông L và bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Ia Ly, Chư Păh.

Mặt khác, theo các tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chư Păh cung cấp, ngày 16/9/2014, Ủy ban nhân dân huyện đã có quyết định thu

hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701 do UBND huyện cấp ngày 13/4/2007 và cấp đổi cho ông L và bà M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT328977 thửa đất số 134, 138 tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140m^2. Đến ngày 30/9/2014, ông L và bà M đã chuyển nhượng lô đất trên cho ông Trương Công D và bà Bùi Thị H. Như vậy, vào thời điểm năm 2007 khi ông L vay tiền ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Ia Ly, Chư Păh thì ông L và bà M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, ông L không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh việc ông L đã giao cho ông Ngô Đình N 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng.

Từ những căn cứ trên, căn cứ Điều 166 BLDS 2015, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình L "Về việc buộc ông Ngô Đình N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 cho ông Trần Đình L".

***Về án phí**: Áp dụng Điều 147 BLTTDS 2015, khoản 3 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Trần Đình L phải chịu án phí DS sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về áp dụng pháp luật: Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Ngô Đình N trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất", theo quy định tại Điều 105, Điều 115 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là tài sản. Bị đơn cư trú, sinh sống tại huyện Chư Păh.Theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chư Păh. Hình thức, nội dung khởi kiện phù hợp theo quy định nên đơn khởi kiện của ông Trần Đình L được Tòa án thụ lý theo thẩm quyền.

[2]Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Trần Đình L yêu cầu ông Ngô Đình N trả lại 01Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 29, tại thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh cho gia đình ông, thấy rằng:

Việc ông L cho rằng ngày 19/6/2007, anh Ngô Đình N – cán bộ tín dụng Ngân hàng nông nghiệp huyện Chư Păh có nhận của ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT328977 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 29, đất tại Thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701 mang tên ông Văn Khắc T và bà Trần Thị T (*cấp ngày 13/04/2007 đã chuyển nhượng toàn bộ*

diện tích cho ông L và bà M ngày 15/6/2007;thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140 m^2, địa chỉ thửa đất tại Làng Phung, xã Ia mơ Nông, huyện Chư Păh) rồi làm thủ tục cho gia đình ông vay vốn 70.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp số 118/HĐTC ngày 19/6/2007 và hợp đồng tín dụng số 223/HĐTD ngày 19/6/2007 đã được ông L ký với Ngân hàng nông nghiệp huyện Chư Păh chỉ có thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529701 và tài sản gắn liền với đất là cây cà phê chứ không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 hay tài sản gì khác.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Trần Đình L không có cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cụ thể về diện tích, thửa đất, tờ bản đồ của Giấy CNQSDĐ số BT 328977 mà chỉ cho rằng thửa đất số 138 tại Thôn 2, xã Ia Ka được cấp cho gia đình ông vào năm 2007 theo Giấy CNQSDĐ số BT 328977. Ngoài ra ông L cũng không có chứng cứ gì chứng minh đã giao cho ông Ngô Đình N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtsố BT 328977 này.

Căn cứ hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chư Păh cung cấp thể hiệntại thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh có thửa đất số 138, tờ bản đồ số 39, diện tích 495m^2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 575647 ngày 26/11/2007 cho vợ chồng ông Phạm Minh H, bà Nguyễn Thị M. Còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 vào năm 2007 UBND huyện Chư Păh chưa có ban hành loại ký hiệu này. Mà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 do ông Trần Đình L và bà Từ Thị M làm đơn đề nghị cấp đổi lại từ Giấy CNQSDĐ số AI 52970, mang tên ông Văn Khắc T và bà Trần Thị T cấp ngày 13/04/2007 (*đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông L và bà M ngày 15/6/2007;thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140 m^2, địa chỉ thửa đất tại Làng Phung, xã Ia mơ Nông, huyện Chư Păh*). Ngày 16/9/2014, UBND huyện Chư Păh ra Quyết định số 1421/QĐ-UBND cấp đổi lại Giấy CNQSDĐsố AI 529701 sang Giấy CNQSDĐ số BT 328977 đứng tên ông Trần Đình L và bà Từ Thị M,thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140 m^2, địa chỉ thửa đất tại Làng Phung, xã Ia mơ Nông, huyện Chư Păh. Ngày 30/9/2014, ông Trần Đình L và bà Từ Thị M sang nhượng thửa đất theo Giấy CNQSDĐ số BT 328977 cho ông Trương Công D và bà Bùi Thị H. Ông L, bà M cũng công nhận việc này.

Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 328977 thửa đất số 138, tờ bản đồ số 29, tại thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh được cấp vào năm 2007 là không có. Chỉ có Giấy CNQSDĐ số BT 328977 đứng tên ông Trần Đình L và bà Từ Thị M,thửa đất số 134, 138, tờ bản đồ số 36, diện tích 22.140 m^2, địa chỉ thửa đất tại Làng Phung, xã Ia mơ Nông, huyện Chư Păh được UBND huyện Chư Păh cấp ngày 16/9/2014, mà Giấy CNQSD đất này ông Trần Đình L đã sang nhượng cho ông D, bà H.

Từ những cơ sở nêu trên kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình L buộc ông Ngô Đình N trả lại Giấy CNQSDĐ số BT 328977, thửa đất số 138, tờ bản đồ số 29,tại thôn 2, xã Ia Ka, huyện Chư Păh là không có cơ sở. Ông Trần Đình L không có căn cứ nào để chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Ngô Đình N trả lại Giấy CNQSDĐ số BT 328977.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Trần Đình L phải chịu án phíkhông giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các **Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 189** Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.**

Áp dụng các **Điều 105, Điều 115 và Điều 166** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình L.

Căn cứ các **Điều 144, Điều 147** Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.**

Ông Trần Đình L phải chịu 300.000 đ (*ba trăm ngànđồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0002410 ngày 05/3/2018của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh mà ông L đã nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (31/8/2018), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên tòa án tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện ChưPăh;
-Thi hành án DS Chư Păh;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

Nguyễn Văn Bảo